PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 04/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Tiếp theo Công báo số 267 + 268)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bai Dong	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 38"	106° 28' 11"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Bãi Rong	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 16' 10"	106° 30' 24"					E-48-70-A-c
bản Bến Đường	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 00"	106° 27' 56"					E-48-69-D, E-48-81-B
Suối Cát	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 16' 11"	106° 24' 30"	17° 13' 46"	106° 24' 45"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cây Cà	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 13' 03"	106° 26' 35"					E-48-69-D, E-48-81-B
bản Cây Sú	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 14' 25"	106° 27' 46"					E-48-69-D, E-48-81-B
bản Chân Trôộng	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 10' 54"	106° 29' 19"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Co Chóc	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 23' 22"	106° 22' 10"					E-48-69-B
núi Co Loong	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 18' 29"	106° 18' 40"					E-48-69-B
núi Co Ro Coi	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 08' 29"	106° 21' 58"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Co Roong	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 11' 55"	106° 19' 34"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Co Rọt	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 23' 36"	106° 27' 07"					E-48-69-B
núi Cô Trang	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 18' 11"	106° 25' 31"					E-48-69-B
bản Cổ Tràng	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 15' 05"	106° 27' 12"					E-48-69-B
núi Cổ Tràng	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 14' 40"	106° 25' 19"					E-48-69-D, E-48-81-B
phu Con Voi	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 06' 48"	106° 22' 15"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Cọp Cuông	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 09"	106° 26' 58"					E-48-69-D, E-48-81-B
bản Đá Chát	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 05"	106° 28' 11"					E-48-69-D, E-48-81-B
Khe Đen	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 20' 20"	106° 17' 41"	17° 21' 20"	106° 25' 06"	E-48-69-B
khe Dìn Dìn	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 25' 34"	106° 23' 15"	17° 21' 49"	106° 24' 55"	E-48-69-B
bản Dốc Mây	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 15' 41"	106° 20' 41"					E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Động Dèo	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 08' 55"	106° 33' 16"					E-48-70-C
núi Đông Hiên	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 15' 42"	106° 31' 45"					E-48-70-A-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 39' 50"	106° 15' 01"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C, E-48-69-B
bản Hôi Rấy	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 16' 29"	106° 29' 39"					E-48-69-B
núi Hòn Đèo	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 09' 59"	106° 31' 34"					E-48-70-C
thôn Hồng Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 14' 09"	106° 27' 29"					E-48-69-D, E-48-81-B
bản Khe Cát	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 17' 25"	106° 27' 28"					E-48-69-B
suối Khe Đen	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 21' 20"	106° 25' 06"	17° 20' 09"	106° 25' 53"	E-48-69-B
thôn Liên Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 59"	106° 27' 36"					E-48-69-D, E-48-81-B
khe Liệt Lớn	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 22' 10"	106° 31' 26"	17° 20' 06"	106° 27' 01"	E-48-69-B, E-48-70-A-c
suối Lồ Ô	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 09' 02"	106° 21' 20"	17° 07' 03"	106° 29' 35"	E-48-69-D, E-48-81-B
sông Long Đại	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-
thôn Long Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 13' 09"	106° 26' 56"					E-48-69-D, E-48-81-B
Bản Mụt	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 15' 47"	106° 28' 07"					E-48-69-B
bản Nước Đắng	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 17' 43"	106° 32' 01"					E-48-70-A-c
suối Ploang	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 18' 13"	106° 19' 54"	17° 20' 09"	106° 25' 53"	E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pờ Loang	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 19' 30"	106° 22' 34"					E-48-69-B
sông Rào Đá	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 13' 04"	106° 35' 32"	17° 18' 45"	106° 37' 22"	E-48-70-C, E-48-70-A-c
suối Rào Đá	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 10' 16"	106° 32' 43"	17° 13' 04"	106° 35' 32"	E-48-70-C
suối Rào Mây	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 17' 45"	106° 18' 46"	17° 14' 22"	106° 21' 46"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-69-B
sông Rào Tràng	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 20' 09"	106° 25' 53"	17° 15' 11"	106° 27' 20"	E-48-69-B
bản Rìn Rìn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 18' 41"	106° 22' 53"					E-48-69-B
suối Rìn Rìn	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 17' 36"	106° 20' 44"	17° 19' 29"	106° 23' 44"	E-48-69-B
Bản Sắt	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 16' 10"	106° 24' 55"					E-48-69-B
suối Song Cát	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 13' 04"	106° 23' 19"	17° 13' 52"	106° 26' 59"	E-48-69-D, E-48-81-B
Suối Sú	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 13' 55"	106° 22' 38"	17° 13' 04"	106° 23' 19"	E-48-69-D, E-48-81-B
thôn Tân Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 13' 45"	106° 27' 24"					E-48-69-D, E-48-81-B
bản Thượng Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 12' 43"	106° 27' 36"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi Top Ray	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 17' 52"	106° 29' 15"					E-48-69-B
núi Toum Sua Si Lo	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 14' 08"	106° 19' 40"					E-48-69-D, E-48-81-B
Suối Trẹt	TV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 12' 19"	106° 22' 11"	17° 13' 04"	106° 23' 19"	E-48-69-D, E-48-81-B
bản Trung Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 13' 50"	106° 24' 47"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi U Bò	SV	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 26' 06"	106° 24' 04"					E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Sơn	DC	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh	17° 13' 03"	106° 27' 02"					E-48-69-D, E-48-81-B
núi An Mã	SV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 13' 13"	106° 36' 09"					E-48-70-C
Lèn Động	SV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 16' 46"	106° 36' 01"					E-48-70-A-c
bản Hang Chuồn	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 16' 29"	106° 35' 26"					E-48-70-A-c
bản Khe Dây	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 18' 14"	106° 35' 42"					E-48-70-A-c
bản Khe Ngang	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 17' 29"	106° 35' 19"					E-48-70-A-c
lèn Khe Ngang	SV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 17' 50"	106° 34' 44"					E-48-70-A-c
cầu Kim Sen	KX	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 18' 44"	106° 36' 40"					E-48-70-A-c
thôn Kim Sen	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 19' 08"	106° 36' 48"					E-48-70-A-c
bản Lâm Ninh	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 19' 49"	106° 36' 18"					E-48-70-A-c
sông Long Đại	TV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
bản Nà Lâm	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 12' 52"	106° 32' 36"					E-48-70-C
thôn Quyết Thắng	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 18' 21"	106° 37' 08"					E-48-70-A-c
sông Rào Đá	TV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh			17° 13' 04"	106° 35' 32"	17° 18' 45"	106° 37' 22"	E-48-70-C, E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
suối Rào Đá	TV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh			17° 10' 16"	106° 32' 43"	17° 13' 04"	106° 35' 32"	E-48-70-C
thôn Rào Đá	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 17' 30"	106° 37' 23"					E-48-70-A-d
suối Rào Trù	TV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh			17° 15' 04"	106° 33' 12"	17° 18' 46"	106° 36' 44"	E-48-70-A-c
thôn Rào Trù	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 18' 12"	106° 36' 07"					E-48-70-A-c
Lèn Sắt	SV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 15' 50"	106° 33' 15"					E-48-70-A-c
núi Thần Đinh	SV	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 17' 55"	106° 37' 02"					E-48-70-A-c
thôn Trường Nam	DC	xã Trường Xuân	H. Quảng Ninh	17° 16' 16"	106° 35' 09"					E-48-70-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 564	KX	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh			17° 16' 21"	106° 39' 26"	17° 05' 07"	106° 34' 36"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
thôn Áng Sơn	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 15' 53"	106° 39' 32"					E-48-70-A-d
Thôn Bến	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 48"	106° 41' 14"					E-48-70-A-d
Lèn Công	SV	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 16"	106° 39' 12"					E-48-70-A-d
thôn Đại Phúc	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 17' 01"	106° 39' 58"					E-48-70-A-d
Thôn Đồn	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 43"	106° 41' 16"					E-48-70-A-d
Thôn Giữa	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 55"	106° 41' 09"					E-48-70-A-d
phá Hạc Hải	TV	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh			18° 03' 50"	105° 49' 27"	17° 04' 40"	106° 51' 35"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
thôn Nam Hải	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 43"	106° 41' 35"					E-48-70-A-d
thôn Phúc Sơn	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 32"	106° 39' 24"					E-48-70-A-d
Thôn Sỏi	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 49"	106° 40' 45"					E-48-70-A-d
Thôn Tây	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 50"	106° 40' 31"					E-48-70-A-d
Nhà máy Xi măng Áng Sơn	KX	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 15' 26"	106° 39' 53"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Sơn	DC	xã Vạn Ninh	H. Quảng Ninh	17° 15' 43"	106° 40' 08"					E-48-70-A-d
đường tỉnh 569B	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 24' 09"	106° 38' 11"	17° 23' 05"	106° 36' 44"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
thôn Chợ Gộ	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 07"	106° 36' 49"					E-48-70-A-a
Khe Cự	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 24' 53"	106° 35' 26"	17° 25' 32"	106° 35' 45"	E-48-70-A-a
hồ Điều Gà	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 26"	106° 36' 16"					E-48-70-A-a
khe Điều Gà	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 21' 58"	106° 32' 55"	17° 23' 31"	106° 35' 31"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ga Lệ Kỳ	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 24' 22"	106° 36' 21"					E-48-70-A-a
thôn Lệ Kỳ 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 25' 20"	106° 36' 11"					E-48-70-A-a
thôn Lệ Kỳ 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 25' 05"	106° 36' 33"					E-48-70-A-a
thôn Lệ Kỳ 3	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 25' 08"	106° 37' 05"					E-48-70-A-a
sông Lũy Thầy	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-a
sông Nhật Lệ	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-c, E-48-70-A-a
thôn Phúc Duệ	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 25"	106° 37' 04"					E-48-70-A-c
khe Quân Giới	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 22' 15"	106° 32' 37"	17° 23' 59"	106° 34' 50"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-a
thôn Vĩnh Tuy 1	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 37"	106° 36' 56"					E-48-70-A-a
thôn Vĩnh Tuy 2	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 47"	106° 37' 01"					E-48-70-A-a
thôn Vĩnh Tuy 3	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 24' 00"	106° 37' 13"					E-48-70-A-a
thôn Vĩnh Tuy 4	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh	17° 24' 13"	106° 37' 00"					E-48-70-A-a
khe Vực Khuý	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Quảng Ninh			17° 23' 59"	106° 34' 50"	17° 24' 53"	106° 35' 26"	E-48-70-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d
khe Dinh Thủy	TV	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh			17° 22' 06"	106° 41' 29"	17° 22' 35"	106° 40' 09"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d
thôn Hà Thiệp	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 55"	106° 39' 12"					E-48-70-A-b
thôn Hửu Hậu	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 17"	106° 40' 18"					E-48-70-A-d
sông Nhật Lệ	TV	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d
cầu Quán Hàu	KX	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 58"	106° 38' 19"					E-48-70-A-b
Thôn Tây	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 22"	106° 39' 18"					E-48-70-A-b
Thôn Thượng	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 45"	106° 39' 47"					E-48-70-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Tiền	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 01"	106° 39' 28"					E-48-70-A-b
hồ Trúc Ly	TV	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 09"	106° 38' 25"					E-48-70-A-b
thôn Trúc Ly	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 19"	106° 38' 19"					E-48-70-A-b
Thôn Trung	DC	xã Võ Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 13"	106° 39' 11"					E-48-70-A-b
quốc lộ 15	KX	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
thôn Lộc Long	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 11"	106° 39' 20"					E-48-70-A-d
cầu Long Đại	KX	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 33"	106° 37' 23"					E-48-70-A-c
ga Long Đại	KX	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 12"	106° 37' 29"					E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
phà Long Đại	KX	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 11"	106° 38' 27"					E-48-70-A-d
sông Long Đại	TV	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
thôn Phúc Mỹ	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 55"	106° 38' 14"					E-48-70-A-d
thôn Võ Tân	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 33"	106° 38' 15"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Dục 1	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 13"	106° 38' 07"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Dục 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 18"	106° 38' 19"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Dục 3	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 25"	106° 38' 33"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Dục 4	DC	xã Xuân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 35"	106° 38' 47"					E-48-70-A-d
khu phố 1	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 24"	106° 25' 15"					E-48-57-B-d
khu phố 2	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 21"	106° 25' 26"					E-48-57-B-d
khu phố 3	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 34"	106° 25' 27"					E-48-57-B-d
khu phố 4	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 31"	106° 25' 10"					E-48-57-B-d
khu phố 5	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 24"	106° 25' 04"					E-48-57-B-d
khu phố 6	DC	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch	17° 45' 53"	106° 25' 21"					E-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 12A	KX	TT. Ba Đồn	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-d
thôn Cảnh Thượng	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 26"	106° 26' 45"					E-48-57-B-b
thôn Đông Cảng	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 28"	106° 27' 01"					E-48-57-B-d
thôn Đông Dương	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 28"	106° 26' 58"					E-48-57-B-d
thôn Đông Tỉnh	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 28"	106° 26' 52"					E-48-57-B-d
thôn Liên Trung	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 20"	106° 26' 50"					E-48-57-B-d
Sông Roòn	TV	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch			17° 52' 57"	106° 21' 58"	17° 52' 35"	106° 27' 19"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-b
thôn Tân Cảnh	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 15"	106° 26' 38"					E-48-57-B-d
thôn Thượng Giang	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 17"	106° 26' 46"					E-48-57-B-d
thôn Trung Vũ	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 12"	106° 26' 50"					E-48-57-B-d
thôn Yên Hải	DC	xã Cảnh Dương	H. Quảng Trạch	17° 52' 22"	106° 26' 57"					E-48-57-B-d
quốc lộ 12A	KX	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-c
thôn Cấp Sơn	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 47' 13"	106° 17' 24"					E-48-57-B-c
thôn Cây Thị	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 47' 26"	106° 17' 15"					E-48-57-B-c
núi Đoọng Tây Xây	SV	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 49' 12"	106° 16' 38"					E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-c
núi Hòn Voi	SV	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 48' 30"	106° 16' 31"					E-48-57-B-c
thôn Kinh Nhuận	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 47' 11"	106° 17' 11"					E-48-57-B-c
thôn Kinh Tân	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 47' 31"	106° 16' 50"					E-48-57-B-c
thôn Ngọa Cương	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 47' 25"	106° 17' 26"					E-48-57-B-c
thôn Thượng Thọ	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 53"	106° 17' 36"					E-48-57-B-c
thôn Vĩnh Thọ	DC	xã Cảnh Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 45"	106° 17' 45"					E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-c
thôn Hậu Thành	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 29"	106° 18' 35"					E-48-57-B-c
thôn Long Châu	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 00"	106° 17' 54"					E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Cường	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 25"	106° 18' 12"					E-48-57-B-c
thôn Trung Tiến	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 23"	106° 17' 47"					E-48-57-B-c
thôn Trường Sơn	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 46' 04"	106° 18' 03"					E-48-57-B-c
thôn Trường Xuân	DC	xã Phù Hóa	H. Quảng Trạch	17° 45' 53"	106° 18' 19"					E-48-57-B-c
đường tỉnh 558	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch			17° 51' 33"	106° 26' 02"	17° 56' 38"	106° 17' 16"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c, E-48-57-B-a
núi Cây Cầu	SV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 05"	106° 19' 59"					E-48-57-B-c
kênh Chính Bắc	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch			17° 53' 01"	106° 22' 33"	17° 55' 11"	106° 24' 46"	E-48-57-B-b
thôn Đất Đỏ	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 12"	106° 22' 00"					E-48-57-B-d
Sông Đuồi	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch			17° 56' 33"	106° 22' 51"	17° 53' 30"	106° 24' 40"	E-48-57-B-b
thôn Hạ Lý	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 53' 16"	106° 23' 49"					E-48-57-B-b
thôn Hòa Lạc	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 51' 55"	106° 23' 20"					E-48-57-B-d
suối Khe Sâu	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch			17° 50' 55"	106° 21' 33"	17° 52' 12"	106° 22' 44"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
thôn Lý Nguyên	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 32"	106° 23' 23"					E-48-57-B-b
Sông Roòn	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch			17° 52' 57"	106° 21' 58"	17° 52' 35"	106° 27' 19"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c, E-48-57-B-a, E-48-57-B-b
thôn Sơn Tùng	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 34"	106° 22' 37"					E-48-57-B-b
thôn Tân Châu	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 53' 50"	106° 23' 24"					E-48-57-B-b
thôn Tiền Tiến	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 01"	106° 24' 06"					E-48-57-B-d
thôn Trung Minh	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 52' 43"	106° 24' 21"					E-48-57-B-b
thôn Tùng Giang	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 53' 04"	106° 23' 42"					E-48-57-B-b
hồ Vực Tròn	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Trạch	17° 53' 49"	106° 21' 33"					E-48-57-B-a, E-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 19/5	DC	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 54' 24"	106° 27' 54"					E-48-57-B-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-b
khe Bàu Giấy	TV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch			17° 56' 02"	106° 28' 37"	17° 54' 39"	106° 28' 30"	E-48-57-B-b
núi Con Mắt	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 40"	106° 27' 06"					E-48-57-B-b
núi Đá Đen	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 55' 28"	106° 27' 30"					E-48-57-B-b
Mũi Đọc	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 57' 39"	106° 30' 31"					E-48-58-A
núi Động Bang	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 37"	106° 29' 20"					E-48-57-B-b
thôn Đông Hưng	DC	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 54' 41"	106° 28' 08"					E-48-57-B-b
hồ Đồng Mười	TV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 57' 01"	106° 28' 16"					E-48-57-B-b
Núi Hàu	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 57' 42"	106° 29' 45"					E-48-57-B-b
thôn Minh Sơn	DC	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 23"	106° 28' 27"					E-48-57-B-b
Núi Mũi	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 21"	106° 29' 56"					E-48-57-B-b
Đèo Ngang	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 57' 24"	106° 27' 47"					E-48-57-B-b
Mũi Ông	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 37"	106° 30' 36"					E-48-58-A-a
dãy Hòanh Sơn	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch			17° 56' 39"	106° 17' 17"	17° 57' 40"	106° 30' 32"	E-48-57-B-b
Khe Rào	TV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch			17° 57' 00"	106° 29' 30"	17° 56' 37"	106° 30' 35"	E-48-57-B-b, E-48-58-A-a
Mũi Rồng	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 55' 30"	106° 30' 02"					E-48-58-A-a
Núi Sú	SV	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 55' 43"	106° 29' 24"					E-48-57-B-b
thôn Thọ Sơn	DC	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 56' 02"	106° 29' 20"					E-48-58-A-a
thôn Vĩnh Sơn	DC	xã Quảng Đông	H. Quảng Trạch	17° 57' 11"	106° 29' 44"					E-48-57-B-b
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b, E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Gianh	TV	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b, E-48-57-B-c
thôn Tân Đông	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 45' 16"	106° 21' 55"					E-48-57-B-c
thôn Tân Thượng	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 45' 25"	106° 21' 23"					E-48-57-B-c
thôn Vân Bắc	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 45' 22"	106° 22' 28"					E-48-57-B-c
thôn Vân Đông	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 44' 52"	106° 23' 09"					E-48-57-D-b
thôn Vân Nam	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 45' 09"	106° 22' 27"					E-48-57-B-c
thôn Vân Trung	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Trạch	17° 45' 15"	106° 22' 31"					E-48-57-B-d
thôn Cao Cựu	DC	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch	17° 43' 56"	106° 22' 01"					E-48-57-D-a
sông Hòa Giang	TV	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch			17° 44' 34"	106° 20' 57"	17° 44' 28"	106° 24' 41"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Hợp Hòa	DC	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch	17° 44' 17"	106° 23' 32"					E-48-57-D-b
thôn Nhân Hòa	DC	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch	17° 43' 56"	106° 22' 42"					E-48-57-D-b
sông Rào Nan	TV	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Thanh Tân	DC	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch	17° 43' 48"	106° 22' 27"					E-48-57-D-b
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Quảng Hòa	H. Quảng Trạch	17° 43' 58"	106° 23' 04"					E-48-57-D-b
đường tỉnh 558	KX	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch			17° 51' 33"	106° 26' 02"	17° 56' 38"	106° 17' 16"	E-48-57-B-a
Khe Bưởi	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch			17° 56' 28"	106° 17' 47"	17° 55' 03"	106° 19' 18"	E-48-57-B-a
hồ Bưởi Rõi	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 37"	106° 17' 51"					E-48-57-B-a
thôn Bưởi Rỏi	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 55' 41"	106° 18' 21"					E-48-57-B-a
hồ Cây Bốm	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 55' 44"	106° 21' 08"					E-48-57-B-a
núi Động Cách	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 59' 17"	106° 22' 09"					E-48-57-B-a
Sông Đuồi	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch			17° 56' 33"	106° 22' 51"	17° 53' 30"	106° 24' 40"	E-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hoa Lăng	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 46"	106° 17' 40"					E-48-57-B-a
thôn Hợp Bàn	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 55' 31"	106° 20' 40"					E-48-57-B-a
thôn Hợp Hạ	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 54' 42"	106° 21' 38"					E-48-57-B-a
thôn Hợp Phú	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 54' 25"	106° 22' 48"					E-48-57-B-b
thôn Hợp Trung	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	1° 75' 53"	106° 20' 18"					E-48-57-B-a
hồ Lòi Đuốc	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 54' 42"	106° 22' 25"					E-48-57-B-a
Núi Mom	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 02"	106° 23' 10"					E-48-57-B-b
Núi Na	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 08"	106° 18' 01"					E-48-57-B-a
Đồi Ngài	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 57' 13"	106° 17' 45"					E-48-57-B-a
Núi Nứa	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 39"	106° 18' 50"					E-48-57-B-a
Núi Sim	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 59' 26"	106° 20' 47"					E-48-57-B-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 56' 08"	106° 20' 37"					E-48-57-B-a
Suối Thia	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch			17° 53' 27"	106° 17' 24"	17° 52' 50"	106° 19' 01"	E-48-57-B-a
núi U Bò	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 58' 26"	106° 24' 30"					E-48-57-B-b
Khe Vực	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch			17° 58' 00"	106° 24' 06"	17° 55' 12"	106° 20' 39"	E-48-57-B-a, E-48-57-B-b
hồ Vực Tròn	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Trạch	17° 53' 49"	106° 21' 33"					E-48-57-B-a, E-48-57-B-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-d
đường tỉnh 558	KX	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch			17° 51' 33"	106° 26' 02"	17° 56' 38"	106° 17' 16"	E-48-57-B-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch	17° 51' 24"	106° 25' 57"					E-48-57-B-d
thôn Hưng Lộc	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch	17° 50' 29"	106° 25' 29"					E-48-57-B-d
thôn Tú Loan 1	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch	17° 48' 27"	106° 25' 36"					E-48-57-B-d
thôn Tú Loan 2	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch	17° 49' 05"	106° 25' 35"					E-48-57-B-d
thôn Tú Loan 3	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Trạch	17° 49' 35"	106° 25' 36"					E-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 53' 49"	106° 25' 00"					E-48-57-B-b
thôn 2	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 53' 38"	106° 24' 55"					E-48-57-B-b
thôn 3	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 54' 15"	106° 24' 03"					E-48-57-B-b
thôn 4	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 54' 32"	106° 24' 25"					E-48-57-B-b
thôn 5	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 54' 57"	106° 24' 53"					E-48-57-B-b
núi Cây Giam	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 58' 11"	106° 26' 33"					E-48-57-B-b
kênh Chính Bắc	TV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch			17° 53' 01"	106° 22' 33"	17° 55' 11"	106° 24' 46"	E-48-57-B-b
núi Đá Bia	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 56' 40"	106° 27' 06"					E-48-57-B-b
Sông Đuồi	TV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch			17° 56' 33"	106° 22' 51"	17° 53' 30"	106° 24' 40"	E-48-57-B-b
thôn Hùng Sơn	DC	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 53' 52"	106° 23' 59"					E-48-57-B-b
núi Mũi Ôm	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 55' 30"	106° 26' 13"					E-48-57-B-b
núi Nam Thanh	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 55' 31"	106° 26' 41"					E-48-57-B-b
Sông Roòn	TV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch			17° 52' 57"	106° 21' 58"	17° 52' 35"	106° 27' 19"	E-48-57-B-b
núi Tam Cấp	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 57' 39"	106° 26' 17"					E-48-57-B-b
Sông Thai	TV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch			17° 57' 58"	106° 24' 57"	17° 53' 35"	106° 25' 21"	E-48-57-B-b
núi U Bò	SV	xã Quảng Kim	H. Quảng Trạch	17° 58' 26"	106° 24' 30"					E-48-57-B-b
thôn 1	DC	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 46' 59"	106° 18' 07"					E-48-57-B-c
thôn 2	DC	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 46' 54"	106° 18' 39"					E-48-57-B-c
thôn 3	DC	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 46' 44"	106° 18' 40"					E-48-57-B-c
thôn 4	DC	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 46' 50"	106° 19' 00"					E-48-57-B-c
thôn 5	DC	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 46' 39"	106° 19' 32"					E-48-57-B-c
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-c
suối Cây Sú	TV	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch			17° 52' 47"	106° 17' 17"	17° 48' 27"	106° 18' 40"	E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-c
hồ Tiên Lang	TV	xã Quảng Liên	H. Quảng Trạch	17° 47' 46"	106° 19' 26"					E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b, E-48-57-B-c
thôn Cồn Sẻ	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 44"	106° 22' 34"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b, E-48-57-B-c
sông Hòa Giang	TV	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch			17° 44' 34"	106° 20' 57"	17° 44' 28"	106° 24' 41"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Phú Trịch	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 44"	106° 23' 47"					E-48-57-D-b
thôn Vĩnh Lộc	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 12"	106° 23' 02"					E-48-57-D-b
thôn Vĩnh Phước Đông	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 16"	106° 22' 26"					E-48-57-D-a
thôn Vĩnh Phước Nam	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 06"	106° 22' 18"					E-48-57-D-a
thôn Vĩnh Phước Tây	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Trạch	17° 44' 18"	106° 22' 05"					E-48-57-D-a
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Long	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-d
thôn Chính Trực	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Trạch	17° 45' 54"	106° 25' 54"					E-48-57-B-d
thôn Thủy Sơn	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Trạch	17° 45' 40"	106° 24' 55"					E-48-57-B-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Trạch	17° 46' 18"	106° 25' 20"					E-48-57-B-d
thôn Trường Sơn	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Trạch	17° 46' 04"	106° 24' 37"					E-48-57-B-d
núi Cây Cầu	SV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 52' 05"	106° 19' 59"					E-48-57-B-c
Khe Do	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch			17° 52' 50"	106° 19' 01"	17° 50' 55"	106° 21' 33"	E-48-57-B-c, E-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Khế	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch			17° 53' 27"	106° 17' 24"	17° 52' 50"	106° 19' 01"	E-48-57-B-a
hồ Nước Sốt	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 49' 53"	106° 23' 28"					E-48-57-B-d
thôn Phù Lưu	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 49' 14"	106° 23' 19"					E-48-57-B-d
Khe Sâu	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch			17° 50' 55"	106° 21' 33"	17° 52' 12"	106° 22' 44"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
thôn Tam Đa	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 48' 00"	106° 21' 59"					E-48-57-B-d
hồ Vân Tiền	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 49' 12"	106° 22' 02"					E-48-57-B-c
thôn Vân Tiền	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Trạch	17° 49' 00"	106° 22' 29"					E-48-57-B-c
núi Ba U	SV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 41' 10"	106° 23' 07"					E-48-57-D-b
thôn Bắc Minh Lệ	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 11"	106° 22' 21"					E-48-57-D-a
thôn Cồn Nâm	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 00"	106° 23' 18"					E-48-57-D-b
núi Cột Cầu	SV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 40' 53"	106° 22' 05"					E-48-57-D-a
thôn Đông Thành	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 28"	106° 24' 09"					E-48-57-D-b
núi Hòn Mộc	SV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 41' 06"	106° 20' 59"					E-48-57-D-a
hói Khe Đá	TV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch			17° 41' 11"	106° 16' 55"	17° 42' 28"	106° 22' 27"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Minh Hà	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 25"	106° 23' 44"					E-48-57-D-b
ga Minh Lệ	KX	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 42' 48"	106° 22' 06"					E-48-57-D-a
thôn Minh Tiến	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 42' 10"	106° 23' 11"					E-48-57-D-b
thôn Minh Trường	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 46"	106° 23' 49"					E-48-57-D-b
thôn Nam Minh Lệ	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 42' 37"	106° 22' 22"					E-48-57-D-b
sông Rào Nan	TV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Tân Định	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 26"	106° 24' 07"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Minh Lệ	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 42' 42"	106° 22' 17"					E-48-57-D-a
thôn Thái Hòa	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Trạch	17° 43' 44"	106° 23' 45"					E-48-57-D-b
thôn 1	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 25"	106° 23' 36"					E-48-57-B-d
thôn 2	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 23"	106° 23' 45"					E-48-57-B-d
thôn 3	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 21"	106° 23' 52"					E-48-57-B-d
thôn 4	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 19"	106° 23' 58"					E-48-57-B-d
thôn 5	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 16"	106° 24' 09"					E-48-57-B-d
thôn 6	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 11"	106° 24' 23"					E-48-57-B-d
thôn 7	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 06"	106° 24' 39"					E-48-57-B-d
thôn 8	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 04"	106° 24' 49"					E-48-57-B-d
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-d
thôn Cầu	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 29"	106° 24' 48"					E-48-57-B-d
Sông Gianh	TV	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Trạch	17° 45' 00"	106° 24' 57"					E-48-57-D-b
Đồn Biên phòng 184	KX	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 17"	10° 62' 77"					E-48-57-B-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-b
hồ Cửa Mương	TV	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 54' 29"	106° 27' 16"					E-48-57-B-b
núi Đá Đen	SV	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 55' 28"	106° 27' 30"					E-48-57-B-b
thôn Hải Đông	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 14"	106° 26' 51"					E-48-57-B-b
thôn Nam Lãnh	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 24"	106° 27' 06"					E-48-57-B-b
núi Nam Thanh	SV	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 55' 31"	106° 26' 41"					E-48-57-B-b
thôn Phú Lộc 1	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 34"	106° 25' 48"					E-48-57-B-b
thôn Phú Lộc 2	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 19"	106° 25' 46"					E-48-57-B-b
thôn Phú Lộc 3	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 22"	106° 25' 54"					E-48-57-B-b
thôn Phú Lộc 4	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 10"	106° 26' 29"					E-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Xuân	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 52' 56"	106° 27' 05"					E-48-57-B-b
Cầu Roòn	KX	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 52' 47"	106° 26' 30"					E-48-57-B-b
Sông Roòn	TV	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch			17° 52' 57"	106° 21' 58"	17° 52' 35"	106° 27' 19"	E-48-57-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 53' 07"	106° 26' 43"					E-48-57-B-b
Sông Thai	TV	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch			17° 57' 58"	106° 24' 57"	17° 53' 35"	106° 25' 21"	E-48-57-B-b
thôn Xuân Hải	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Trạch	17° 52' 58"	106° 26' 31"					E-48-57-B-b
thôn Diên Phúc	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 43' 33"	106° 27' 46"					E-48-57-D-b
thôn Đơn Sa	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 43' 54"	106° 27' 19"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-b
thôn Mỹ Hòa	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 43' 13"	106° 27' 59"					E-48-57-D-b
xóm Tân Hưng	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 43' 19"	106° 28' 45"					E-48-57-D-b
thôn Tân Mỹ	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 42' 35"	106° 28' 49"					E-48-57-D-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Trạch	17° 42' 49"	106° 27' 48"					E-48-57-D-b
hồ Bàu Sen	TV	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 47' 51"	106° 24' 15"					E-48-57-B-d
thôn Đông Dương	DC	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 47' 51"	106° 23' 12"					E-48-57-B-d
thôn Hướng Phương	DC	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 46' 45"	106° 22' 55"					E-48-57-B-d
hồ Khe Cừa	TV	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 47' 27"	106° 21' 54"					E-48-57-B-c
thôn Pháp Kệ	DC	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 46' 39"	106° 23' 49"					E-48-57-B-d
thôn Tô Xá	DC	xã Quảng Phương	H. Quảng Trạch	17° 47' 21"	106° 22' 30"					E-48-57-B-c
đường tỉnh 559B	KX	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch			17° 43' 11"	106° 21' 23"	17° 44' 53"	106° 06' 50"	E-48-57-D-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 37"	106° 21' 05"					E-48-57-D-a
Khe Cái	TV	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch			17° 43' 48"	106° 12' 43"	17° 44' 20"	106° 15' 10"	E-48-57-C, E-48-57-D-a
thôn Diên Trường	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 17"	106° 22' 00"					E-48-57-D-a
núi Động Mùi	SV	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 42"	106° 19' 58"					E-48-57-D-a
thôn Hà Sơn	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 42' 59"	106° 21' 04"					E-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Linh Cân Sơn	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 02"	106° 20' 46"					E-48-57-D-a
thôn Minh Sơn	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 15"	106° 21' 24"					E-48-57-D-a
sông Rào Nan	TV	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-D-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 15"	106° 17' 32"					E-48-57-D-a
thôn Thọ Hạ	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 42' 52"	106° 21' 49"					E-48-57-D-a
thôn Trung Thương	DC	xã Quảng Sơn	H. Quảng Trạch	17° 43' 14"	106° 21' 13"					E-48-57-D-a
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch			17° 48' 59"	106° 10' 57"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
sông Hòa Giang	TV	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch			17° 44' 34"	106° 20' 57"	17° 44' 28"	106° 24' 41"	E-48-57-D-a
thôn Tân Đức	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch	17° 45' 08"	106° 21' 29"					E-48-57-B-c
thôn Tân Hoá	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch	17° 45' 00"	106° 21' 35"					E-48-57-D-a
thôn Tân Lộc	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch	17° 44' 58"	106° 21' 39"					E-48-57-D-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch	17° 44' 55"	106° 21' 48"					E-48-57-B-c
thôn Tân Trường	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Trạch	17° 45' 05"	106° 21' 23"					E-48-57-B-c
thôn 1	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 51' 59"	106° 17' 59"					E-48-57-B-c
thôn 2	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 50' 12"	106° 19' 22"					E-48-57-B-c
thôn 3	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 49' 59"	106° 19' 48"					E-48-57-B-c
thôn 4	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 49' 15"	106° 18' 57"					E-48-57-B-c
thôn 5	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 49' 10"	106° 20' 53"					E-48-57-B-c
thôn 6	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 48' 53"	106° 21' 01"					E-48-57-B-c
thôn 7	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 48' 30"	106° 21' 25"					E-48-57-B-c
thôn 8	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 47' 52"	106° 21' 18"					E-48-57-B-c
thôn 9	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 50' 07"	106° 18' 38"					E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bồ Tây Xây	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 49' 12"	106° 16' 38"					E-48-57-B-c
suối Cầu Sú	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch			17° 52' 47"	106° 17' 17"	17° 48' 27"	106° 18' 40"	E-48-57-B-c, E-48-57-B-a
hồ Trung Thuần	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Trạch	17° 49' 21"	106° 20' 32"					E-48-57-B-c
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-b
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
thôn Phù Ninh	DC	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch	17° 45' 44"	106° 23' 01"					E-48-57-B-d
thôn Tân An	DC	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch	17° 45' 33"	106° 23' 11"					E-48-57-B-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch	17° 45' 56"	106° 22' 34"					E-48-57-B-c
Nhà máy Xi măng COSEVCO	KX	xã Quảng Thanh	H. Quảng Trạch	17° 46' 01"	106° 22' 00"					E-48-57-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-b
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-d
thôn Minh Lợi	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch	17° 45' 11"	106° 26' 09"					E-48-57-B-d
thôn Minh Phượng	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch	17° 45' 32"	106° 25' 52"					E-48-57-B-d
thôn Ngoại Hải	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch	17° 46' 10"	106° 26' 29"					E-48-57-B-d
thôn Nhân Thọ	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch	17° 46' 08"	106° 26' 38"					E-48-57-B-d
thôn Thọ Đơn	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Trạch	17° 45' 05"	106° 26' 46"					E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-b
Xóm Bến	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 37"	106° 25' 51"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Cầu	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 45' 03"	106° 25' 30"					E-48-57-D-b
Xóm Chợ	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 26"	106° 25' 59"					E-48-57-D-b
Xóm Chùa	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 49"	106° 25' 51"					E-48-57-D-b
Xóm Cồn	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 01"	106° 26' 10"					E-48-57-D-b
xóm Cồn Két	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 36"	106° 25' 32"					E-48-57-D-b
Xóm Dinh	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 40"	106° 26' 24"					E-48-57-D-b
Xóm Đình	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 39"	106° 26' 00"					E-48-57-D-b
Xóm Đồng	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 25"	106° 26' 14"					E-48-57-D-b
Cầu Gianh	KX	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 42' 50"	106° 26' 27"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-d, E-48-57-D-b
Xóm Hội	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 16"	106° 26' 04"					E-48-57-D-b
Xóm Me	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 12"	106° 26' 13"					E-48-57-D-b
Xóm Môn	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 44' 31"	106° 26' 09"					E-48-57-D-b
Xóm Nam	DC	xã Quảng Thuận	H. Quảng Trạch	17° 43' 40"	106° 26' 13"					E-48-57-D-b
thôn Đông Bắc	DC	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 44' 14"	106° 21' 24"					E-48-57-D-a
núi Động Mùi	SV	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 43' 42"	106° 19' 58"					E-48-57-D-a
sông Hòa Giang	TV	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch			17° 44' 34"	106° 20' 57"	17° 44' 28"	106° 24' 41"	E-48-57-D-a
thôn Nam Thuỷ	DC	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 43' 57"	106° 20' 50"					E-48-57-D-a
thôn Thượng Thủy	DC	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 44' 19"	106° 20' 47"					E-48-57-D-a
thôn Trung Thủy	DC	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 44' 08"	106° 21' 10"					E-48-57-D-a
thôn Xuân Thủy	DC	xã Quảng Thủy	H. Quảng Trạch	17° 43' 46"	106° 20' 21"					E-48-57-D-a
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Long Trung	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 45' 36"	106° 19' 39"					E-48-57-B-c
hồ Mũi Rồng	TV	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 44' 57"	106° 18' 57"					E-48-57-B-c
thôn Tiên Phan	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 45' 31"	106° 19' 54"					E-48-57-B-c
thôn Tiên Phong	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 45' 22"	106° 18' 05"					E-48-57-B-c
thôn Tiên Sơn	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 44' 41"	106° 19' 02"					E-48-57-D-a
thôn Tiên Xuân	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 46' 06"	106° 19' 10"					E-48-57-B-c
thôn Trường Thọ	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 45' 40"	106° 19' 24"					E-48-57-B-c
thôn Vinh Quang	DC	xã Quảng Tiên	H. Quảng Trạch	17° 45' 30"	106° 18' 28"					E-48-57-B-c
đường tỉnh 558	KX	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch			17° 51' 33"	106° 26' 02"	17° 56' 38"	106° 17' 16"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
thôn Đông Tiến	DC	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch	17° 51' 28"	106° 24' 46"					E-48-57-B-d
thôn Hà Tiến	DC	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch	17° 50' 03"	106° 24' 18"					E-48-57-B-d
thôn Hải Lưu	DC	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch	17° 49' 28"	106° 22' 48"					E-48-57-B-d
Khe Sâu	TV	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch			17° 50' 55"	106° 21' 33"	17° 52' 12"	106° 22' 44"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-c
thôn Văn Hà	DC	xã Quảng Tiến	H. Quảng Trạch	17° 50' 48"	106° 22' 28"					E-48-57-B-d
đường tỉnh 559	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
thôn Biểu Lệ	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch	17° 44' 32"	106° 20' 10"					E-48-57-D-a
thôn Công Hòa	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch	17° 45' 42"	106° 20' 08"					E-48-57-B-c
núi Động Mùi	SV	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch	17° 43' 42"	106° 19' 58"					E-48-57-D-a
Sông Gianh	TV	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-a,
thôn Thượng Thôn	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch	17° 45' 23"	106° 20' 22"					E-48-57-B-c
thôn Trung Thôn	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Trạch	17° 45' 20"	106° 20' 39"					E-48-57-B-c
quốc lộ 12A	KX	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Phúc	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 45' 54"	106° 21' 50"					E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-B-c
thôn Hạ Trường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 46' 24"	106° 20' 41"					E-48-57-B-c
thôn Thu Trường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 46' 14"	106° 21' 11"					E-48-57-B-c
thôn Thuận Hòa	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 45' 46"	106° 20' 59"					E-48-57-B-c
Nhà máy Xi măng COSEVCO	KX	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 46' 01"	106° 22' 00"					E-48-57-B-c
thôn Xuân Trường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Trạch	17° 46' 24"	106° 19' 55"					E-48-57-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-b
đường tỉnh 558	KX	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch			17° 51' 33"	106° 26' 02"	17° 56' 38"	106° 17' 16"	E-48-57-B-d
thôn Di Lộc	DC	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch	17° 51' 47"	106° 26' 06"					E-48-57-B-d
thôn Di Luân	DC	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch	17° 52' 34"	106° 26' 12"					E-48-57-B-b
thôn Phúc Kiều	DC	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch	17° 52' 10"	106° 25' 24"					E-48-57-B-d
Sông Roòn	TV	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch			17° 52' 57"	106° 21' 58"	17° 52' 35"	106° 27' 19"	E-48-57-B-d, E-48-57-B-b
thôn Sơn Tùng	DC	xã Quảng Tùng	H. Quảng Trạch	17° 52' 40"	106° 24' 58"					E-48-57-B-b
Sông Gianh	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-b
sông Hòa Giang	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch			17° 44' 34"	106° 20' 57"	17° 44' 28"	106° 24' 41"	E-48-57-D-b
thôn La Hà Đông	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch	17° 44' 17"	106° 24' 43"					E-48-57-D-b
thôn La Hà Nam	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch	17° 43' 58"	106° 24' 42"					E-48-57-D-b
thôn La Hà Tây	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch	17° 44' 13"	106° 24' 34"					E-48-57-D-b
sông Rào Nan	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-b
thôn Văn Phú	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Trạch	17° 43' 37"	106° 25' 48"					E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Gạch ngói COSEVCO	KX	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch	17° 47' 19"	106° 25' 53"					E-48-57-B-d
thôn Thanh Bình	DC	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch	17° 48' 18"	106° 26' 29"					E-48-57-B-d
thôn Thanh Lương	DC	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch	17° 47' 49"	106° 26' 03"					E-48-57-B-d
thôn Xuân Hòa	DC	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch	17° 49' 14"	106° 26' 28"					E-48-57-B-d
thôn Xuân Kiều	DC	xã Quảng Xuân	H. Quảng Trạch	17° 46' 48"	106° 26' 21"					E-48-57-B-d
tiểu khu 1	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 20"	106° 01' 22"					E-48-57-A
tiểu khu 2	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 14"	106° 01' 17"					E-48-57-A
tiểu khu 3	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 09"	106° 01' 13"					E-48-57-A
tiểu khu 4	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 23"	106° 01' 01"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
quốc lộ 12C	KX	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-56-B, E-48-57-A
quốc lộ 15	KX	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-56-B, E-48-57-A
đồi Ca Rê	SV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 52' 33"	105° 59' 15"					E-48-56-B
ga Đồng Lê	KX	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 21"	106° 01' 13"					E-48-57-A
tiểu khu Đồng Tân	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 52' 46"	106° 01' 02"					E-48-57-A
tiểu khu Đồng Văn	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 05"	106° 01' 42"					E-48-57-A
núi Eo Lằn	SV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 37"	106° 01' 38"					E-48-57-A
khe Hố Khỉ	TV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 01' 00"	17° 52' 57"	106° 01' 16"	E-48-57-A
tiểu khu Lưu Thuận	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 53' 11"	106° 00' 53"					E-48-57-A
khe Mọng Trám	TV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 52' 35"	105° 59' 58"	17° 53' 46"	106° 00' 38"	E-48-56-B, E-48-57-A
khe Ồ Ồ	TV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 51' 46"	106° 00' 46"	17° 52' 43"	106° 01' 15"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Su	TV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 52' 18"	106° 00' 43"	17° 53' 13"	106° 01' 01"	E-48-57-A
tiểu khu Tam Đồng	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 52' 51"	106° 01' 54"					E-48-57-A
tiểu khu Tân Lập	DC	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa	17° 52' 42"	106° 01' 40"					E-48-57-A
Khe Trề	TV	TT. Đồng Lê	H. Tuyên Hóa			17° 52' 37"	106° 01' 50"	17° 54' 18"	106° 01' 03"	E-48-57-A
đường tỉnh 559B	KX	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa			17° 43' 11"	106° 21' 23"	17° 44' 53"	106° 06' 50"	E-48-57-C
thôn Cao Cảnh	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 12"	106° 09' 34"					E-48-57-A
Khe Cấy	TV	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa			17° 44' 19"	106° 09' 38"	17° 44' 20"	106° 15' 10"	E-48-57-C, E-48-57-D-a
thôn Chùa Bụt	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 11"	106° 10' 23"					E-48-57-A
thôn Hợp Tiến	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 22"	106° 10' 51"					E-48-57-A
núi Lạc Sơn	SV	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 47' 42"	106° 11' 34"					E-48-57-A
thôn Phú Xuân	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 10"	106° 11' 10"					E-48-57-A
thôn Quảng Hòa	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 43"	106° 11' 08"					E-48-57-A
sông Rào Nan	TV	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-C, E-48-57-A, E-48-57-D-a
thôn Sơn Thủy	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 31"	106° 11' 38"					E-48-57-A
thôn Tân Tiến	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 45' 50"	106° 12' 45"					E-48-57-A
thôn Tiến Mại	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 46' 09"	106° 11' 39"					E-48-57-A
Núi To	SV	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 43' 50"	106° 08' 59"					E-48-57-C
Suối Vàng	TV	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa			17° 47' 34"	106° 10' 26"	17° 46' 15"	106° 11' 07"	E-48-57-A
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Cao Quảng	H. Tuyên Hóa	17° 45' 47"	106° 12' 07"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A, E-48-57- B-c
thôn Kinh Châu	DC	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 15"	106° 14' 10"					E-48-57-A
ga Lạc Sơn	KX	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 43"	106° 11' 16"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lạc Sơn	SV	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 42"	106° 11' 34"					E-48-57-A
thôn Lạc Sơn	DC	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 34"	106° 11' 46"					E-48-57-A
thôn Lâm Lang	DC	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 01"	106° 13' 12"					E-48-57-A
thôn Thanh Châu	DC	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 14"	106° 12' 13"					E-48-57-A
thôn Uyên Phong	DC	xã Châu Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 34"	106° 13' 52"					E-48-57-A
quốc lộ 12C	KX	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-57-A
núi Ba Cụp	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 33"	106° 03' 21"					E-48-57-A
khe Cây Bồng	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 58"	106° 04' 12"	17° 55' 00"	106° 03' 55"	E-48-57-A
núi Chà Chổng	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 14"	106° 05' 41"					E-48-57-A
núi Chằng Cao	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 35"	106° 03' 23"					E-48-57-A
Chợ Còi	KX	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 26"	106° 04' 46"					E-48-57-A
Khe Còi	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 03' 17"	17° 52' 05"	106° 05' 12"	E-48-57-A
núi Đá Bia	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 19"	106° 05' 04"					E-48-57-A
khe Đá Bò	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 49' 10"	106° 02' 53"	17° 51' 44"	106° 04' 10"	E-48-57-A
thôn Đại Sơn	DC	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 48"	106° 04' 20"					E-48-57-A
khe Đập Vĩnh Lợi	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 39"	106° 06' 06"	17° 52' 04"	106° 05' 22"	E-48-57-A
thôn Đồng Giang	DC	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 11"	106° 04' 24"					E-48-57-A
thôn Đồng Phú	DC	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 34"	106° 05' 13"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
núi Hòn Ngôi	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 26"	106° 03' 54"					E-48-57-A
núi Khe Còi	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 02"	106° 04' 55"					E-48-57-A
núi Kiến Hôi	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 28"	106° 05' 03"					E-48-57-A
núi Lèn Ông	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 37"	106° 03' 55"					E-48-57-A
núi Ló Đò	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 58"	106° 05' 33"					E-48-57-A
Khe Môn	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 57"	106° 03' 56"	17° 52' 56"	106° 04' 12"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Nèng	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 34"	106° 05' 24"	17° 51' 43"	106° 06' 58"	E-48-57-A
Khe Sinh	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 50"	106° 04' 55"	17° 54' 44"	106° 04' 33"	E-48-57-A
núi Tang Bồng	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 05"	106° 05' 33"					E-48-57-A
thôn Thuận Hoan	DC	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 33"	106° 04' 47"					E-48-57-A
Khe Tràm	TV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 12"	106° 04' 47"	17° 52' 52"	106° 04' 34"	E-48-57-A
núi Uốn Su	SV	xã Đồng Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 01"	106° 04' 35"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
núi Ba Lòi	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 48"	106° 10' 04"					E-48-57-A
Khe Bùn	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 10' 27"	17° 50' 42"	106° 09' 32"	E-48-57-A
núi Cây Ngút	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 58"	106° 09' 56"					E-48-57-A
thôn Cồn Cam	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 05"	106° 07' 36"					E-48-57-A
núi Đá Đừng	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 18"	106° 10' 00"					E-48-57-A
thôn Đồng Lâm	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 29"	106° 08' 47"					E-48-57-A
Khe Đục	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 59"	106° 10' 00"	17° 50' 20"	106° 09' 23"	E-48-57-A
thôn Đức Ngọc	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 00"	106° 07' 17"					E-48-57-A
thôn Đức Phú 1	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 38"	106° 08' 30"					E-48-57-A
thôn Đức Phú 2	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 07"	106° 08' 11"					E-48-57-A
thôn Đức Phú 4	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 30"	106° 06' 56"					E-48-57-A
núi Dung Dung	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 45"	106° 11' 34"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
núi Hòn Đơn	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 19"	106° 11' 48"					E-48-57-A
thôn Kinh Trừng	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 18"	106° 08' 15"					E-48-57-A
đồi Lóc Bóc	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 39"	106° 10' 07"					E-48-57-A
khe Nạng Trào	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 52"	106° 09' 56"	17° 52' 35"	106° 11' 35"	E-48-57-A
Khe Nghệ	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 32"	106° 10' 10"	17° 51' 21"	106° 09' 16"	E-48-57-A
ga Ngọc Lâm	KX	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 48"	106° 07' 12"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Nương Trang	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 59"	106° 08' 39"					E-48-57-A
núi Ông Nang	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 11"	106° 10' 34"					E-48-57-A
thôn Phú Ngọc	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 02"	106° 07' 02"					E-48-57-A
thôn Phúc Tùng 1	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 02"	106° 08' 24"					E-48-57-A
thôn Phúc Tùng 2	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 01"	106° 08' 38"					E-48-57-A
sông Rào Trổ	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 53"	106° 13' 48"	17° 48' 59"	106° 10' 57"	E-48-57-A
thôn Sơn Ngọc	DC	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 47"	106° 06' 53"					E-48-57-A
đồi U Bò	SV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 57"	106° 09' 32"					E-48-57-A
khe Vàng Chìm	TV	xã Đức Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 14"	106° 09' 53"	17° 51' 42"	106° 09' 07"	E-48-57-A
quốc lộ 15	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-56-B, E-48-44-D
núi Bạc Tóc	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 03' 55"	105° 56' 54"					E-48-44-D
núi Cần Chất	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 44"	105° 53' 02"					E-48-44-D
Khe Dài	TV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 01' 55"	105° 51' 29"	18° 03' 04"	105° 50' 34"	E-48-44-D
núi Đan Niêng	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 01' 25"	105° 50' 47"					E-48-44-D
Khe Dong	TV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 04' 49"	105° 56' 00"	18° 02' 51"	105° 54' 13"	E-48-44-D
ga Đồng Chuối	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 32"	105° 54' 09"					E-48-44-D
núi Động Dong	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 35"	105° 52' 10"					E-48-44-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B, E-48-44-D
Núi Kìn	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 56"	105° 54' 26"					E-48-56-B
ga La Khê	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 03' 49"	105° 49' 28"					E-48-44-D
núi Mốc Bươi	SV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 05' 24"	105° 55' 52"					E-48-44-D
Khe Nét	TV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 53"	106° 00' 09"	17° 58' 32"	105° 55' 20"	E-48-56-B, E-48-44-D
sông Ngàn Sâu	TV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 04' 19"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Rào Bội	TV	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 04' 06"	105° 51' 25"	18° 03' 37"	105° 49' 08"	E-48-44-D
ga Tân ấp	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 06"	105° 51' 08"					E-48-44-D
thôn Tân ấp	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 50"	105° 50' 36"					E-48-44-D
cầu Tân Đức	KX	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 03' 32"	105° 49' 50"					E-48-44-D
thôn Tân Đức 1	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 03' 44"	105° 49' 45"					E-48-44-D
thôn Tân Đức 2	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 03' 21"	105° 50' 24"					E-48-44-D
thôn Tân Đức 3	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 55"	105° 50' 13"					E-48-44-D
thôn Tân Đức 4	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 48"	105° 50' 37"					E-48-44-D
thôn Tân Sơn	DC	xã Hương Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 01' 46"	105° 52' 16"					E-48-44-D
quốc lộ 15	KX	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-56-B, E-48-44-D, E-48-57-A
miếu Bà Sơn	KX	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 34"	105° 55' 07"					E-48-44-C
động Bãi Cộng	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 11"	105° 54' 19"					E-48-56-B
núi Bãi Cộng	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 21"	105° 54' 42"					E-48-56-B
Khe Bẹ	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 13"	105° 59' 20"	17° 55' 28"	105° 58' 44"	E-48-56-B
động Cá Tràu	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 58"	105° 59' 25"					E-48-56-B
núi Chú Rẹ	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 27"	105° 54' 57"					E-48-56-B
đồi Đá Mài	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 32"	105° 57' 18"					E-48-56-B
Khe Dài	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 59' 55"	106° 03' 26"	17° 58' 53"	106° 00' 09"	E-48-57-A, E-48-45-C
Khe Đèng	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 52"	106° 00' 09"	17° 57' 14"	105° 57' 01"	E-48-56-B, E-48-57-A
Khe Đọi	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 57' 59"	105° 52' 55"	17° 57' 35"	105° 54' 20"	E-48-56-B
đồi Đồng Lá	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 58"	105° 59' 13"					E-48-56-B
lèn Eo Cái	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 01"	105° 56' 23"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Gianh	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B, E-48-44-D, E-48-57-A
Khe Hang	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 59"	105° 55' 09"	17° 56' 07"	105° 54' 39"	E-48-56-B
cầu Khe Nét	KX	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 45"	105° 55' 35"					E-48-56-B
đèo Khe Nét	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 48"	105° 55' 36"					E-48-56-B
núi Khe Nét	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 41"	105° 55' 54"					E-48-56-B
khe Khu Mang	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 21"	105° 54' 04"	17° 58' 51"	105° 54' 49"	E-48-56-B
Khe Khúc	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 57' 14"	106° 01' 05"	17° 58' 20"	106° 01' 47"	E-48-57-A
thôn Kim Lịch	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 24"	105° 55' 45"					E-48-56-B
ga Kim Lũ	KX	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 06"	105° 57' 33"					E-48-56-B
thôn Kim Lũ 1	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 53"	105° 57' 38"					E-48-56-B
thôn Kim Lũ 2	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 20"	105° 57' 27"					E-48-56-B
thôn Kim Ninh	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 49"	105° 58' 25"					E-48-56-B
thôn Kim Tân	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 17"	105° 59' 44"					E-48-56-B
thôn Kim Thủy	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 03"	105° 59' 50"					E-48-56-B
thôn Kim Tiến	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 41"	105° 57' 19"					E-48-56-B
thôn Kim Trung	DC	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 47"	105° 58' 52"					E-48-56-B
Động Kìn	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 29"	105° 54' 07"					E-48-56-B
Núi Kìn	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 56"	105° 54' 26"					E-48-56-B
động Kỳ Trâu Tóm	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 43"	105° 55' 18"					E-48-56-B
núi Lọ Nghẹ	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 19"	106° 01' 11"					E-48-56-B
Khe Lớp	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 59"	105° 52' 18"	17° 58' 09"	105° 55' 17"	E-48-56-B
Khe Mai	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 40"	105° 58' 39"	17° 56' 44"	105° 57' 25"	E-48-56-B
Động Nạp	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 25"	105° 53' 49"					E-48-56-B
Núi Nạp	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 59"	105° 54' 19"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Nét	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 53"	106° 00' 09"	17° 58' 32"	105° 55' 20"	E-48-56-B, E-48-44-D, E-48-57-A
khe Nồi Rang	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 50"	105° 58' 38"	17° 59' 26"	105° 56' 05"	E-48-56-B
núi Phường	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 19"	105° 56' 21"					E-48-56-B
Núi Rèm	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 50"	105° 52' 46"					E-48-56-B
Khe Rôn	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 49"	105° 56' 23"	17° 55' 27"	105° 58' 29"	E-48-56-B
núi Xai Tiền	SV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 01' 33"	106° 02' 27"					E-48-45-C-c
Khe Xát	TV	xã Kim Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 48"	106° 00' 30"	17° 54' 34"	106° 00' 38"	E-48-57-A
thôn 1	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 30"	105° 49' 32"					E-48-56-B
thôn 2	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 53"	105° 49' 06"					E-48-56-B
thôn 3	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 15"	105° 48' 59"					E-48-56-B
núi Cà Bông	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 03"	105° 47' 09"					E-48-56-B
ngầm Cà Tang	KX	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 37"	105° 48' 30"					E-48-56-B
Bản Cáo	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 48"	105° 48' 31"					E-48-56-B
Núi Cáo	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 58"	105° 47' 23"					E-48-56-B
khe Chả Lạng	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 57' 07"	105° 51' 08"	17° 56' 33"	105° 50' 02"	E-48-56-B
Bản Chuối	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 10"	105° 48' 55"					E-48-56-B
lèn Cù Đồi	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 05"	105° 48' 41"					E-48-56-B
núi Cục Kiêu	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 24"	105° 51' 09"					E-48-56-B
Sông Gianh	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B
Khe Heng	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 17"	105° 45' 00"	17° 55' 53"	105° 46' 29"	E-48-56-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B
Bản Kè	DC	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 52"	105° 48' 06"					E-48-56-B
lèn Khu Mơi	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 07"	105° 48' 43"					E-48-56-B
lèn Mã Láng	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 32"	105° 50' 09"					E-48-56-B
núi Ma Nạt	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 18"	105° 49' 19"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mụ Roong	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 31"	105° 45' 45"					E-48-56-B
núi Nang Rưng	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 32"	105° 47' 56"					E-48-56-B
Eo Nhót	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 32"	105° 48' 35"					E-48-56-B
Khe Núng	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 10"	105° 47' 01"	17° 57' 45"	105° 48' 41"	E-48-56-B
Khe Quạt	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 26"	105° 41' 52"	17° 58' 10"	105° 47' 01"	E-48-56-B
Khe Ráy	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 28"	105° 46' 35"	17° 57' 02"	105° 47' 46"	E-48-56-B
Động Táu	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 52"	105° 45' 10"					E-48-56-B
Núi Táu	SV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 51"	105° 45' 51"					E-48-56-B
Khe Trập	TV	xã Lâm Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 50"	105° 42' 16"	17° 58' 10"	105° 47' 01"	E-48-56-B
quốc lộ 15	KX	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-56-B, E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
đồi Ca Rê	SV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 33"	105° 59' 15"					E-48-56-B
Đồi Đâm	SV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 24"	105° 57' 39"					E-48-56-B
thôn Đồng Lê	DC	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 43"	106° 01' 02"					E-48-57-A
núi Eo Lằn	SV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 37"	106° 01' 38"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B, E-48-57-A
khe Nước Nếp	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 06"	105° 59' 27"	17° 53' 48"	106° 00' 37"	E-48-56-B, E-48-57-A
cầu Quảng Hóa	KX	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 45"	105° 55' 35"					E-48-57-A
thôn Quảng Hóa	DC	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 02"	106° 00' 49"					E-48-57-A
Khe Rôn	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 49"	105° 56' 23"	17° 55' 27"	105° 58' 29"	E-48-56-B
Khe Sôông	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 37"	105° 58' 40"	17° 55' 25"	105° 58' 48"	E-48-56-B
thôn Thượng Phong	DC	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 25"	105° 59' 42"					E-48-56-B
thôn Tiền Phong	DC	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 09"	105° 59' 05"					E-48-56-B
Khe Trề	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 37"	106° 01' 50"	17° 54' 18"	106° 01' 03"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Um	TV	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 01"	105° 58' 03"	17° 54' 44"	105° 59' 50"	E-48-56-B
thôn Yên Xuân	DC	xã Lê Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 22"	106° 00' 36"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
khe Ba Đà	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 27"	106° 13' 28"	17° 52' 41"	106° 12' 14"	E-48-57-A
thôn Bắc Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 44"	106° 12' 09"					E-48-57-A
núi Chương Bún	SV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 57"	106° 12' 07"					E-48-57-A
núi Chương Lịm	SV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 15"	106° 13' 42"					E-48-57-A
khe Đá Mài	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 24"	106° 12' 40"	17° 51' 29"	106° 11' 39"	E-48-57-A
thôn Đông Hòa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 57"	106° 13' 06"					E-48-57-A
thôn Đông Thuận	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 58"	106° 12' 58"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
thôn Lạc Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 50"	106° 11' 00"					E-48-57-A
thôn Liên Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 38"	106° 10' 43"					E-48-57-A
thôn Liên Sơn	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 33"	106° 10' 51"					E-48-57-A
khe Mệ Tường	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 06"	106° 13' 46"	17° 49' 33"	106° 12' 36"	E-48-57-A
cầu Minh Cầm	KX	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 31"	106° 10' 26"					E-48-57-A
hồ Minh Cầm	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 38"	106° 12' 02"					E-48-57-A
núi Mồng Gà	SV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 01"	106° 13' 00"					E-48-57-A
thôn Nam Sơn	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 11"	106° 10' 55"					E-48-57-A
cầu Quai Vạc	KX	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 12"	106° 11' 32"					E-48-57-A
sông Rào Trổ	TV	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 53"	106° 13' 48"	17° 48' 59"	106° 10' 57"	E-48-57-A
thôn Tân Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 28"	106° 10' 33"					E-48-57-A
thôn Tây Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 12"	106° 12' 09"					E-48-57-A
thôn Xuân Hóa	DC	xã Mai Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 58"	106° 11' 25"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
núi Cây Hồng	SV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 50"	106° 03' 49"					E-48-57-A
khe Đá Bò	TV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 49' 10"	106° 02' 53"	17° 51' 44"	106° 04' 10"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lực	DC	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 49"	106° 05' 46"					E-48-57-A
núi Đồng Tâm	SV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 42"	106° 05' 33"					E-48-57-A
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 02"	106° 05' 52"					E-48-57-A
thôn Hà Nam	DC	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 09"	106° 05' 21"					E-48-57-A
thôn Hà Trang	DC	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 49"	106° 04' 30"					E-48-57-A
thôn Hà Trung	DC	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 23"	106° 04' 44"					E-48-57-A
khe Hòn Quan	TV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 49' 10"	106° 04' 01"	17° 50' 20"	106° 05' 39"	E-48-57-A
cầu Khe Mét 3	KX	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 25"	106° 05' 08"					E-48-57-A
Động Lé	SV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 05"	106° 04' 24"					E-48-57-A
Khe Lim	TV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 49' 08"	106° 04' 46"	17° 50' 20"	106° 05' 39"	E-48-57-A
Khe Môn	TV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 20"	106° 05' 39"	17° 51' 08"	106° 06' 54"	E-48-57-A
Hòn Quan	SV	xã Nam Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 39"	106° 04' 08"					E-48-57-A
thôn 1	DC	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 01"	106° 13' 42"					E-48-57-A
thôn 2	DC	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 59"	106° 14' 03"					E-48-57-A
thôn 3	DC	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 56"	106° 14' 22"					E-48-57-A
thôn 4	DC	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 55"	106° 13' 53"					E-48-57-A
thôn 5	DC	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 30"	106° 13' 22"					E-48-57-A
khe Ba Đà	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 27"	106° 13' 28"	17° 52' 41"	106° 12' 14"	E-48-57-A
khe Ba Lắt	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 18"	106° 14' 54"	17° 55' 45"	106° 13' 54"	E-48-57-A
khe Chép Chép	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 02"	106° 11' 56"	17° 53' 05"	106° 12' 51"	E-48-57-A
núi Chương Dọc	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 17"	106° 14' 34"					E-48-57-A
núi Chương Lịm	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 15"	106° 13' 42"					E-48-57-A
núi Chương Vang	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 10"	106° 12' 42"					E-48-57-A
núi Cờ Tây	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 04"	106° 15' 25"					E-48-57-B-a
núi Đá Bia	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 10"	106° 14' 15"					E-48-57-A
núi Đá Đen	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 50"	106° 13' 15"					E-48-57-A
khe Đồ Man	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 57"	106° 10' 50"	17° 54' 32"	106° 13' 19"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Độ Mộ	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 32"	106° 13' 38"					E-48-57-A
núi Dung Dung	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 45"	106° 11' 34"					E-48-57-A
núi Hòn Đơn	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 19"	106° 11' 48"					E-48-57-A
núi Hòn Mói	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 21"	106° 12' 10"					E-48-57-A
núi Hòn Vàng	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 01"	106° 13' 41"					E-48-57-A
Khe Khế	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 57"	106° 15' 37"	17° 55' 00"	106° 16' 42"	E-48-57-B-a
Khe Kịn	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 28"	106° 15' 17"	17° 53' 49"	106° 13' 43"	E-48-57-A, E-48-57-B-a
khe Lát Bát	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 06"	106° 12' 25"	17° 53' 32"	106° 13' 02"	E-48-57-A
núi Nhà Cộ	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 32"	106° 12' 26"					E-48-57-A
Khe Nớc	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 12"	106° 15' 14"	17° 54' 44"	106° 14' 07"	E-48-57-A, E-48-57-B-a
Khe Nồi	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 32"	106° 13' 59"	17° 55' 37"	106° 13' 47"	E-48-57-A
núi Ông Na	SV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 11"	106° 10' 34"					E-48-57-A
sông Rào Trổ	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 53"	106° 13' 48"	17° 48' 59"	106° 10' 57"	E-48-57-A
Khe Roòng	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 48"	106° 13' 28"	17° 52' 53"	106° 12' 18"	E-48-57-A
Khe Sốt	TV	xã Ngư Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 52"	106° 15' 32"	17° 53' 48"	106° 13' 31"	E-48-57-A, E-48-57-B-c
quốc lộ 12A	KX	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
núi Ba Lòi	SV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 48"	106° 10' 04"					E-48-57-A
Khe Bùn	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 10' 27"	17° 50' 42"	106° 09' 32"	E-48-57-A
thôn Cao Trạch	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 46"	106° 09' 22"					E-48-57-A
đồi Đồng Bùn	SV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 31"	106° 10' 25"					E-48-57-A
Khe Đục	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 59"	106° 10' 00"	17° 50' 20"	106° 09' 23"	E-48-57-A
sông Gianh	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
núi Hòn Đền	SV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 44"	106° 10' 30"					E-48-57-A
thôn Mã Thượng	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 19"	106° 09' 14"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Minh Cầm	KX	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 31"	106° 10' 26"					E-48-57-A
thôn Minh Cầm Ngoại	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 38"	106° 10' 21"					E-48-57-A
thôn Minh Cầm Nội	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 56"	106° 10' 20"					E-48-57-A
thôn Minh Cầm Trang	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 55"	106° 10' 05"					E-48-57-A
khe Nạng Trào	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 52"	106° 09' 56"	17° 52' 35"	106° 11' 35"	E-48-57-A
Khe Nghệ	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 32"	106° 10' 10"	17° 51' 21"	106° 09' 16"	E-48-57-A
sông Rào Trổ	TV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 53"	106° 13' 48"	17° 48' 59"	106° 10' 57"	E-48-57-A
phà Sảo Phong	KX	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 47"	106° 09' 52"					E-48-57-A
thôn Sảo Phong	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 09"	106° 09' 39"					E-48-57-A
núi Vĩnh Thế	SV	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 12"	106° 08' 58"					E-48-57-A
thôn Yên Tố	DC	xã Phong Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 32"	106° 09' 22"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
Khe Còi	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 03' 17"	17° 52' 05"	106° 05' 12"	E-48-57-A
khe Đá Bò	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 49' 10"	106° 02' 53"	17° 51' 44"	106° 04' 10"	E-48-57-A
thôn Đồng Sơn	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 22"	106° 02' 01"					E-48-57-A
Khe Dứa	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 07"	106° 01' 35"	17° 51' 30"	106° 03' 17"	E-48-57-A
khe Hố Khỉ	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 30"	106° 01' 00"	17° 52' 57"	106° 01' 16"	E-48-57-A
thôn Kim Sơn	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 12"	106° 03' 56"					E-48-57-A
Khe Lan	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 39"	106° 03' 35"	17° 51' 38"	106° 03' 52"	E-48-57-A
thôn Minh Phú	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 27"	106° 03' 03"					E-48-57-A
khe Nhà Bàu	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 18"	106° 01' 35"	17° 52' 37"	106° 01' 50"	E-48-57-A
khe Ồ Ồ	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 36"	106° 03' 20"	17° 53' 25"	106° 02' 19"	E-48-57-A
Khe Quéo	TV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 47"	106° 03' 16"	17° 51' 25"	106° 03' 30"	E-48-57-A
thôn Tam Đa	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 30"	106° 02' 28"					E-48-57-A
thôn Tam Đăng	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 08"	106° 02' 56"					E-48-57-A
thôn Tân Sơn	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 50"	106° 03' 32"					E-48-57-A
núi Xuân Canh	SV	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 58"	106° 03' 30"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Lập	DC	xã Sơn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 04"	106° 02' 23"					E-48-57-A
thôn 1 Thiết Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 27"	106° 06' 18"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A
quốc lộ 12C	KX	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-57-A
thôn 2 Thiết Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 37"	106° 06' 27"					E-48-57-A
thôn 3 Thiết Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 34"	106° 06' 41"					E-48-57-A
thôn 4 Thiết Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 05"	106° 07' 04"					E-48-57-A
thôn 5 Thiết Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 28"	106° 07' 12"					E-48-57-A
đồi Ba Vệ	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 58"	106° 09' 56"					E-48-57-A
thôn Cao Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 39"	106° 06' 47"					E-48-57-A
núi Cây Ngút	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 58"	106° 09' 56"					E-48-57-A
đồi Cột Cờ	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 26"	106° 05' 56"					E-48-57-A
núi Cột Đèn	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 11"	106° 07' 13"					E-48-57-A
núi Cửa Trằm	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 11"	106° 06' 41"					E-48-57-A
núi Đá Đứng	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 18"	106° 10' 00"					E-48-57-A
thôn Đạm Thủy 1	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 02"	106° 07' 49"					E-48-57-A
thôn Đạm Thủy 2	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 59"	106° 07' 59"					E-48-57-A
thôn Đạm Thủy 3	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 50' 38"	106° 08' 29"					E-48-57-A
Khe Đục	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 53' 59"	106° 10' 00"	17° 50' 20"	106° 09' 23"	E-48-57-A
Núi Giăng	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 54"	106° 08' 18"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
núi Hòn Trầm	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 01"	106° 09' 13"					E-48-57-A
thôn Hồng Sơn	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 42"	106° 06' 37"					E-48-57-A
thôn Huyền Nựu	DC	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 09"	106° 07' 29"					E-48-57-A
đồi Lóc Bóc	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 39"	106° 10' 07"					E-48-57-A
núi Mái Căng	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 29"	106° 08' 35"					E-48-57-A
Khe Môn	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 20"	106° 05' 39"	17° 51' 08"	106° 06' 54"	E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Mụng Dị	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 42"	106° 06' 56"	17° 53' 23"	106° 06' 39"	E-48-57-A
Khe Nèng	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 34"	106° 05' 24"	17° 51' 43"	106° 06' 58"	E-48-57-A
khe Ngã Hai	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 13"	106° 07' 49"	17° 52' 15"	106° 07' 33"	E-48-57-A
núi Quyết Đình	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 25"	106° 07' 16"					E-48-57-A
núi Tang Bồng	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 05"	106° 05' 33"					E-48-57-A
Khe Thờ	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 23"	106° 09' 20"	17° 53' 39"	106° 08' 04"	E-48-57-A
Núi Thờ	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 12"	106° 08' 47"					E-48-57-A
núi Trại Sem	SV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 12"	106° 08' 12"					E-48-57-A
khe Yên Ngựa	TV	xã Thạch Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 44"	106° 08' 26"	17° 51' 53"	106° 08' 51"	E-48-57-A
thôn 1 Bắc Sơn	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 08"	105° 50' 19"					E-48-44-D
thôn 1 Thanh Lạng	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 50"	105° 50' 42"					E-48-56-B
thôn 2 Bắc Sơn	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 17"	105° 50' 05"					E-48-44-D
thôn 2 Thanh Lạng	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 51"	105° 50' 29"					E-48-56-B
thôn 3 Bắc Sơn	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 29"	105° 50' 06"					E-48-44-D
thôn 3 Thanh Lạng	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 02"	105° 50' 21"					E-48-56-B
thôn 4 Bắc Sơn	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 59"	105° 49' 43"					E-48-56-B
thôn 4 Thanh Lạng	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 05"	105° 49' 53"					E-48-56-B
thôn 5 Thanh Lạng	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 11"	105° 50' 12"					E-48-56-B
Khe Bịn	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 31"	105° 44' 21"	17° 59' 26"	105° 46' 42"	E-48-56-A, E-48-56-B
bản Cà Xen	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 13"	105° 48' 29"					E-48-56-B
núi Cây Si	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 01' 18"	105° 46' 15"					E-48-44-D
núi Cây Trò	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 39"	105° 50' 02"					E-48-56-B
núi Cồn Soai	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 02' 02"	105° 48' 32"					E-48-44-D
núi Đan Niêng	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 01' 25"	105° 50' 47"					E-48-44-D
Sông Gianh	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B, E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bản Hà	DC	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 45"	105° 49' 10"					E-48-44-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B, E-48-44-D
Khe Hương	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 01' 37"	105° 49' 02"	18° 00' 33"	105° 49' 06"	E-48-44-D
lèn Khu Mơi	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 07"	105° 48' 43"					E-48-56-B
khe Lộn Lên	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 57' 00"	105° 37' 36"	17° 59' 36"	105° 41' 27"	E-48-56-A
lèn Lù Lù	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	18° 00' 29"	105° 48' 26"					E-48-44-D
Khe Mai	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			18° 00' 07"	105° 47' 32"	17° 59' 36"	105° 51' 13"	E-48-56-B, E-48-44-D
Khe Mơi	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 58' 12"	105° 48' 40"	17° 58' 08"	105° 49' 04"	E-48-56-B
núi Nang Rưng	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 58' 32"	105° 47' 56"					E-48-56-B
Khe Nung	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 59' 28"	105° 48' 13"	17° 59' 03"	105° 50' 00"	E-48-56-B
núi Phu Rê	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 35"	105° 40' 40"					E-48-56-A
Khe Quạt	TV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 26"	105° 41' 52"	17° 58' 10"	105° 47' 01"	E-48-56-A, E-48-56-B, E-48-44-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Hóa	H. Tuyên Hóa	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-56-A
thôn 1	DC	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	17° 59' 42"	105° 51' 46"					E-48-56-B
thôn 2	DC	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	18° 00' 08"	105° 52' 04"					E-48-44-D
thôn 3	DC	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	17° 59' 57"	105° 52' 19"					E-48-56-B
thôn 4	DC	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	18° 00' 12"	105° 51' 33"					E-48-44-D
núi Cần Chất	SV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	18° 00' 44"	105° 53' 02"					E-48-44-D
Khe Đâm	TV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa			17° 58' 03"	105° 52' 27"	17° 59' 06"	105° 53' 39"	E-48-56-B
núi Đan Niêng	SV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	18° 01' 25"	105° 50' 47"					E-48-44-D
Núi Dị	SV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	17° 57' 49"	105° 51' 03"					E-48-56-B
Sông Gianh	TV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B, E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B, E-48-44-D
khe Mụ Rí	TV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa			17° 57' 43"	105° 51' 47"	17° 59' 25"	105° 51' 56"	E-48-56-B
Động Rèm	SV	xã Thanh Thạch	H. Tuyên Hóa	17° 57' 09"	105° 51' 35"					E-48-56-B
quốc lộ 12C	KX	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-57-A
núi Ba Cụp	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 33"	106° 03' 21"					E-48-57-A
thôn Ba Tâm	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 20"	106° 01' 17"					E-48-57-A
Khe Bợi	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 54' 17"	106° 03' 29"	17° 53' 26"	106° 03' 19"	E-48-57-A
Khe Cấy	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 36"	106° 01' 51"	17° 54' 38"	106° 01' 28"	E-48-57-A
núi Chằng Cao	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 35"	106° 03' 23"					E-48-57-A
núi Chóp Chài	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 56' 22"	106° 02' 37"					E-48-57-A
núi Cửa Ải	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 57' 07"	106° 01' 42"					E-48-57-A
núi Đá Trồng	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 59' 19"	106° 04' 34"					E-48-57-A
Khe Dài	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 59' 55"	106° 03' 26"	17° 58' 53"	106° 00' 09"	E-48-57-A
Khe Đèng	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 52"	106° 00' 09"	17° 57' 14"	105° 57' 01"	E-48-57-A
Đồi Điểm	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 59"	106° 01' 34"					E-48-57-A
núi Động Đá	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 55' 34"	106° 01' 59"					E-48-57-A
thôn Đồng Lào	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 59"	106° 02' 02"					E-48-57-A
núi Eo Lằn	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 37"	106° 01' 38"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A
thôn Hạ Lào	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 41"	106° 02' 11"					E-48-57-A
núi Hòn Ngôi	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 26"	106° 03' 54"					E-48-57-A
Khe Khúc	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 57' 14"	106° 01' 05"	17° 58' 20"	106° 01' 47"	E-48-57-A
khe Ồ Ồ	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 52' 36"	106° 03' 20"	17° 53' 25"	106° 02' 19"	E-48-57-A
khe Thộ Rố	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 55' 16"	106° 03' 06"	17° 53' 50"	106° 02' 28"	E-48-57-A
thôn Thuận Tiến	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 12"	106° 02' 24"					E-48-57-A
thôn Thượng Lào	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 55"	106° 01' 38"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Trợ	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 12"	106° 03' 32"	17° 54' 13"	106° 01' 52"	E-48-57-A
thôn Trung Lào	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 54' 03"	106° 02' 11"					E-48-57-A
Khe Xát	TV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 56' 48"	106° 00' 30"	17° 54' 34"	106° 00' 38"	E-48-57-A
núi Xuân Canh	SV	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 52' 58"	106° 03' 30"					E-48-57-A
thôn Xuân Canh	DC	xã Thuận Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 53' 36"	106° 02' 39"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-57-A, E-48-57-B-c
Lèn Bảng	SV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 34"	106° 15' 06"					E-48-57-B-c
thôn Bàu 1	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 23"	106° 14' 41"					E-48-57-A
thôn Bàu 2	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 12"	106° 14' 57"					E-48-57-A
thôn Bàu 3	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 09"	106° 15' 18"					E-48-57-B-c
núi Bồ Tây Xây	SV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 49' 12"	106° 16' 38"					E-48-57-B-c
thôn Chợ Cuồi	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 58"	106° 13' 56"					E-48-57-A
núi Chương Dọc	SV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 51' 17"	106° 14' 34"					E-48-57-A
suối Chương Lim	TV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 51' 02"	106° 14' 51"	17° 47' 14"	106° 14' 59"	E-48-57-A, E-48-57-B-c
thôn Cương Trung A	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 54"	106° 15' 47"					E-48-57-B-c
thôn Cương Trung B	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 56"	106° 15' 13"					E-48-57-B-c
thôn Cương Trung C	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 49"	106° 16' 11"					E-48-57-B-c
thôn Đông Thủy	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 19"	106° 14' 49"					E-48-57-A
Sông Gianh	TV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A, E-48-57-B-c
núi Hòn Voi	SV	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 30"	106° 16' 31"					E-48-57-B-c
thôn Tam Đa	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 03"	106° 13' 58"					E-48-57-A
thôn Tân Thủy	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 15"	106° 15' 06"					E-48-57-B-c
thôn Tây Thủy	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 32"	106° 14' 22"					E-48-57-A
thôn Tây Trúc	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 35"	106° 13' 35"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Tiến	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 37"	106° 14' 10"					E-48-57-A
thôn Thanh Trúc	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 48' 26"	106° 13' 55"					E-48-57-A
thôn Trung Thủy	DC	xã Tiến Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 47"	106° 15' 28"					E-48-57-B-c
đường tỉnh 559	KX	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 45' 44"	106° 23' 20"	17° 46' 48"	106° 15' 22"	E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
Thôn Bàu	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 46"	106° 16' 17"					E-48-57-B-c
thôn Bàu Sỏi	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 42"	106° 16' 10"					E-48-57-B-c
thôn Đình Miệu	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 02"	106° 16' 43"					E-48-57-B-c
lèn Đứt Chân	SV	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 48"	106° 15' 15"					E-48-57-B-c
Sông Gianh	TV	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-A, E-48-57-D-a, E-48-57-B-c
thôn Hà Thâu	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 02"	106° 16' 16"					E-48-57-B-c
ga Lệ Sơn	KX	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 46"	106° 15' 20"					E-48-57-B-c
thôn Phúc Tự	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 47"	106° 16' 29"					E-48-57-B-c
sông Rào Nan	TV	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-C E-48-57-A E-48-57-D-a
thôn Thượng Phủ	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 00"	106° 16' 02"					E-48-57-B-c
thôn Trung Làng	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 47' 09"	106° 16' 54"					E-48-57-B-c
thôn Xuân Hạ	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 45' 38"	106° 16' 53"					E-48-57-B-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 46"	106° 17' 13"					E-48-57-B-c
thôn Xuân Tổng	DC	xã Văn Hóa	H. Tuyên Hóa	17° 46' 53"	106° 17' 04"					E-48-57-B-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc